**TÌM HIÊU NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

**Đinh Thị Thu Hiền**

Các yếu tố sản xuất luôn đóng vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất cũng như quyết định đến chất lượng của sản phẩm và tiến độ của sản phẩm. Một trong 3 yếu tố đó là Tài sản cố định. Trong tài sản cố định chứa các chỉ tiêu ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, do đó việc phân tích các nội dung đánh giá hiệu quả nhằm giúp cho doanh nghiệp quản lý được về mặt số lượng, khi nào nên trang bị, mua mới.. vừa quản lý được về mặt hiệu quả mang lại từ TSCĐ, giúp doanh nghiệp tiết kiệm về chi phí, có phươn hướng hợp lý hơn cho các kỳ kinh doanh sau về yếu tố tài sản cố định. Bài viêt xin đề cập đến các nội dung đánh giá về hiệu quả sử dụng tài sản cố định, để trao đổi, thảo luận phục vụ cho quá trình giảng dạy.

Các nội dung đánh giá hieuj quả sử dụng từ Tài sản cố định bao gồm:

1. **Đánh giá chung về Tài sản cố định**

Khi đánh giá chung về Tài sản cố định, doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất nên đánh giá về tình hình biến động của tài sản cố định, đánh giá về kết cấu, xác định xu hướng của các chỉ tiêu liên quan đến Tài sản cố định

-***Đối với biến động về Tài sản cố định***: Xem xét tình hình tăng giảm của tài sản cố định giữa thực tế với kế hoạch, giữa năm nay so với năm trước, nhằm mục đích đánh giá được tình hình thực tế về tài sản cố định. Đồng thời tính và so sánh tốc độ tăng và tỷ trọng của từng loại tài sản cố định.

***-Đối với cơ cầu Tài sản cố định***: Đánh giá cơ cấu trong tổng Tài sản cố định thì tại doanh nghiệp đang nghiêng về chỉ tiêu nào? Điều này ảnh hưởng ra sao đến quá trình kinh doanh.

-***Xác định xu hướng của Tài sản cố định***: Xu hướng có tính hợp lý là xu hướng TSCĐ (đặc biệt là máy móc thiết bị dùng trong sản xuất phải lớn hơn TSCĐ dùng ngoài sản xuất, có vậy mới tăng được năng lực sản xuất của xí nghiệp, các loại tài sản cố định khác vừa đủ cân đối để phục vụ cho các thiết bị sản xuất và giảm đến mức tối đa tài sản cố định chờ xử lý.

Ví dụ minh họa: Doanh nghiệp X chuyên sản xuất sản phẩm về giày dép, sau quá trình kinh doanh, doanh nghiệp tiến hành đánh giá về tài sản cố định. Doanh nghiệp lập bảng phân tich sau:

|  |
| --- |
| **BẢNG ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH** |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **TÀI SẢN CỐ ĐỊNH** | **NĂM TRƯỚC** | **TỶ TRỌNG** | **NĂM NAY** | **TỶ TRỌNG** | **BIẾN ĐỘNG** | **TỶ TRONG** |
| **1.TSCĐ TRONG SX** | 420.816 | 79.88 | 441.411 | 80.59 | 20.595 | 104.89 |
| PHƯƠNG TIỆN | 100.378 | 19.05 | 101.200 | 18.48 | 0.822 | 100.82 |
| NHÀ XƯỞNG | 120.299 | 22.84 | 130.211 | 23.77 | 9.912 | 108.24 |
| MÁY MÓC | 200.139 | 37.99 | 210.000 | 38.34 | 9.861 | 104.93 |
| **2. TSCĐ NGOÀI SX** | 106.000 | 20.12 | 106.300 | 19.41 | 0.300 | 100.28 |
| DÙNG CHO BÁN HÀNG | 45.900 | 8.71 | 44.200 | 8.07 | -1.700 | 96.3 |
| DÙNG CHO QUẢN LY | 60.100 | 11.41 | 62.100 | 11.34 | 2.000 | 103.33 |
| **TỔNG** | 526.816 | 100 | 547.711 | 100 | 20.895 | 103.97 |

Qua phân tích, thấy rằng tài sản cố định trong doanh nghiệp chia làm 2 bộ phận: tài sản cố định dùng trong sản xuất và ngoài sản xuât. So với năm trước năm nay tài sản cố dịnh có biến động tăng, tương ứng tốc độ tăng trưởng là 103,97%. Tài sản cố định trong sản xuất có biến động tăng cao hơn ngoài sản xuất. Chỉ tiêu về nhà xưởng và máy móc có biến động tăng mạnh nhất trong TSCĐ trong sản xuất, TSCĐ ngoài sản xuất có biến động tăng về TS dùng cho quản lý và giảm về TS dùng cho bán hàng. Xu hướng của TSCĐ đang nghiêng về TSCĐ trong sản xuất. Cơ cấu TSCĐ cũng phụ thuộc nhiều vào TSCĐ trong sản xuất, cụ thể là nghiêng về chỉ tiêu Máy móc.

1. **Phân tích về tình hình trang bị máy móc kỹ thuật cho công nhân và tình hình trang bị TSCĐ**

***Tình hình trang bị máy móc cho CN***

Trong hoạt động sản xuất, nếu doanh nghiệp cung ứng không đầy đủ máy móc thiết bị cho lao động thì quá trình sản xuất sẽ bị gián đoạn và ngược lại. Do đo, cần thiết đánh giá tình hình trang bị máy móc cho công nhân. Chỉ số này phản ánh giá trị tài sản cố định bình quân trang bị cho một công nhân trực tiếp SX. Hệ số này càng lớn chứng tỏ mức độ trang bị TSCĐ cho hoạt động SX của DN càng cao

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hệ số trang bị máy mọc thiết bị | = | Nguyên giá TSCĐ ( Máy móc thiết bị) |
| Số lao động bình quân |

Ví dụ minh họa: Cũng doanh nghiệp X, để đánh giá tình hình trang bị máy móc kỹ thuật cho công nhân trong quá trình sản xuất, doanh nghiệp cung cấp thêm thông tin về số lượng công nhân qua bảng sau:

|  |
| --- |
| **BẢNG TRANG BỊ MÁY MÓC CHO CÔNG NHÂN** |
|  |  |  |
| *TÀI SẢN CỐ ĐỊNH* | *NĂM TRƯỚC* | *NĂM NAY* |
| MÁY MÓC THIẾT BỊ | 200.139 | 210.000 |
| SỐ CÔNG NHÂN | 100 | 120 |
| TÌNH HÌNH TRANG BỊ | 2 | 1.75 |

Nhận thấy rằng, hệ số về trang bị máy móc thiết bị cho một công nhân ở năm nay giảm hơn so với năm ngoái . Nếu năm ngoái doanh nghiệp trang bị 2 máy cho một công nhân thì năm nay, khi số lượng lao động tăng thêm thì doanh nghiệp chỉ trang bị được hơn 1 máy cho công nhân. Điều này có thể ảnh hưởng không tốt đên quá trình sản xuât. Cần xem xét thêm kết hợp với kết quả của quá trình sản xuất.

***Tình hình trang bị TSCĐ***

Tài sản cố định tham vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh tài sản cố định bị hao mòn dần, về giá trị hao mòn được chuyển dần vào giá trị sản phẩm, như vậy tài sản cố định cùng tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh thì tài sản cố định càng cũ đi, số hao mòn lũy kế càng lớn. Do đó, để đánh giá tình trạng kỹ thuật của tài sản cố định ta phải căn cứ vào hệ số hao mòn của tài sản cố định, ta có chỉ tiêu phân tích sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hệ số hao mòn | = | Hao mòn lũy kế |
| Nguyên giá TSCĐ |

Hệ số hao mòn càng gần 1, chứng tỏ tài sản cố định của doanh nghiệp càng cũ, do đó doanh nghiệp cần đổi mới và trang bị lại tài sản cố định.

Hệ số hao mòn tài sản cố định càng nhỏ hơn 1, chứng tỏ tài sản cố định của doanh nghiệp càng mới hoặc được đổi mới nhiều

1. **Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định**

Thực tế cho thấy, mặc dù doanh nghiệp đã đầu tư trang bị đầy đủ máy móc thiết bị nhưng nếu việc sử dụng không hợp lý về mặt số lượng thời gian và công suất thì hiệu quả không cao. Để phân tích hiệu quả của việc sử dụng tài sản cố định ta sử dụng các chỉ tiêu sau:

***Sức sản xuất của tài sản cố định***

Chỉ tiêu này phản ánh 1 đồng nguyên giá bình quân tài sản cố định đem lại mấy đồng giá trị sản xuất hoặc doanh thu*.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sức sản xuất của tài sản cố định | = | Giá trị sản xuất hoặc doanh thu |
| Nguyên giá TSCĐ bình quân |

Trường hợp doanh nghiệp thu lợi ích từ sản phẩm chính và sản phẩm phụ, để đánh giá chung người ta sử dụng giá trị sản xuất, dùng cho các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất công nghiệp. trường hợp doanh nghiệp kinh doanh nhỏ lẻ, chỉ có lợi ích từ hoạt động tiêu thụ sản phẩm đẻ đánh giá sử dụng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

***Sức sinh lời của tài sản cố định***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sức sinh lợi của tài sản cố định | = | Lợi nhuận |
| Nguyên giá TSCĐ bình quân |

Chỉ tiêu này phản ánh 1 đồng nguyên giá bình quân tài sản cố định đem lại mấy đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này càng cao thì sức sinh lợi của tài sản cố định càng lớn, doanh nhiệp sử dụng TSCĐ có hiệu quả.

***Sức hao phí Tài sản cố định***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sức hao phí tài sản cố định | = | Nguyên giá TSCĐ bình quân |
| Giá trị sản xuất/ doanh thu/ lọi nhuận |

Chỉ tiêu này phản ánh để sản xuât ra một đồng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, lợi nhuận) thì cần mấy đồng nguyên giá TSCĐ bình quân.

*Ví dụ minh họa*: Doanh nghiệp X sau khi phân tích chung về TSCĐ, phân tích về tình hình trang bị cũng như hệ số hao mòn, tiến hành đánh giá hiệu quả mang lại từ TSCĐ để đánh giá tình hình sử dụng lãng phí hay tiết kiệm. Số liệu được thể hiện trong bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỈ TIÊU** | **NĂM TRƯỚC** | **NĂM NAY** |
| GIÁ TRỊ SẢN XUẤT  | 988.500 | 911.500 |
| LỢI NHUẬN | 1.355.800 | 1.270.000 |
| TÀI SẢN CỐ ĐỊNH | 526.816 | 547.711 |
| SỨC SẢN XUẤT CỦA TSCD | 1.88 | 1.66 |
| SỨC SINH LỜI CỦA TSCD | 2,57 | 2,32 |
| SỨC HAO PHÍ CỦA TSCD | 0.53 | 0,6 |

Thấy rằng, so với năm trước hiệu quả sử dụng tài sản cố định năm nay không cao, cụ thể sức sản xuất của TSCĐ giảm 0,22 lần, sức sinh lời của TSCD giảm 0,25 lần và sức hao phí của Tscd nhiều hơn năm trước là 0,07 lần. Có thể nhận thấy rang, sức hao phí của tscd thì tăng cao nhưng hiệu quả mang lại đều giảm sút. Do đó, doanh nghiệp sử dụng TSCD không có hiệu quả, gây tình trạng lãng phí, ảnh hưởng đến công tác quản lý, phát sinh chi phí. Cần có những biện pháp khắc phục.

**Nhận xét**: Việc phận tích các nội dung về TSCD một cách chi tiết và cụ thể thông qua các chỉ tiêu trên giúp doanh nghiệp quản lý, sử dụng TSCD một cách có hiệu quả hơn, phát hiện những rủi ro cũng như những điểm hạn chế còn tồn tại của TSCD, từ đó có biện pháp khắc phục.. Tùy thuộc vào đặc điểm, lĩnh vực kinh doanh của từng doanh nghiệp để lựa chọn nội dung phân tích thích hợp.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Phạm Văn Dược, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM (2008), *Phân tích Hoạt động kinh doanh*, Nhà xuất bản Thống kê.

2. Bộ môn Kế toán quản trị - phân tích hoạt động kinh doanh (2006), *Giáo trình Kế toán quản trị*, NXB Thống kê

3. Nguyễn Ngọc Quang (2013), *Phân tích Báo cáo tài chính*, Nhà xuất bản tài chính, Đại học kinh tế quốc dân

4. Nguyễn Văn Công (2005),C*huyên khảo về Báo cáo tài chính và lập, đọc, kiểm tra, phân tích Báo cáo tài chính*, Nhà xuất bản tài chính, Hà nội